

Thúc đẩy chăn nuôi bò thịt tại các vùng chăn nuôi tập trung của TP Hà Nội

Đình Phạm Hiền¹, Đoàn Anh Tuấn², Phạm Thị Mỹ Dung^{2*}, Đình Đức Hiếu³

¹Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2 Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Đông Đô, 60B Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

³Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 207 Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 29/8/2023; ngày chuyển phản biện 31/8/2023; ngày nhận phản biện 25/9/2023; ngày chấp nhận đăng 28/9/2023

Tóm tắt:

Nghiên cứu được thực hiện tại các vùng chăn nuôi bò thịt (CNBT) tập trung của TP Hà Nội. Phương pháp nghiên cứu định lượng gồm các bước: điều tra trực tiếp thông tin qua bảng hỏi tại 6 xã và 210 hộ CNBT trong các vùng chăn nuôi tập trung, xử lý thông tin qua phần mềm Excel, phân tích thông tin bằng phương pháp thống kê mô tả và so sánh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tuy số lượng bò thịt không tăng nhưng sản lượng, chất lượng, cơ cấu đàn bò thịt đã có sự tiến bộ đáng kể. Tuy vậy, CNBT trong các vùng tập trung của TP Hà Nội vẫn còn nhiều bất cập về quy mô, quy trình kỹ thuật, liên kết, cung ứng và tiêu thụ. Từ đó dẫn đến việc không kiểm soát được chất lượng, không có chứng nhận an toàn sinh học và các cơ sở giết mổ theo quy hoạch không mua bò của nông dân Hà Nội. Nhằm thúc đẩy CNBT trong các vùng tập trung của TP Hà Nội, nghiên cứu khuyến nghị: tăng quy mô chăn nuôi gắn với phát triển bò thịt chất lượng cao; thúc đẩy CNBT an toàn sinh học; phát triển liên kết chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt; tăng cường hỗ trợ từ ngân sách cho CNBT.

Từ khóa: chăn nuôi bò thịt, Hà Nội, vùng chăn nuôi tập trung.

Chỉ số phân loại: 5.2

1. Mở đầu

Bò thịt là đầu vào chủ yếu để cung cấp thịt bò cho thị trường hoặc chế biến tiếp. Nhu cầu tiêu dùng thịt bò của hầu hết các nước trên thế giới ngày càng tăng [1] nên CNBT ngày càng được quan tâm. Các nước phát triển thường CNBT chất lượng cao ở các trang trại lớn để tiêu thụ. Các nước đang phát triển chủ yếu CNBT ở các hộ nông dân (HND) với quy mô nhỏ, chăn nuôi cả giống địa phương và giống chất lượng cao. Với Việt Nam, bò thịt là một trong 3 loại vật nuôi phổ biến nhưng do thói quen tiêu dùng nên thịt lợn chiếm tới hơn 70%, còn thịt bò chiếm tỷ lệ nhỏ. Trước năm 2014, do một số chính sách nên đàn bò giảm mạnh, gần đây CNBT bắt đầu được quan tâm. Tiêu thụ thịt bò của Việt Nam chỉ mới đạt hơn 3 kg/người, nhưng chăn nuôi trong nước cũng chỉ đáp ứng được 30%, số còn lại là từ nhập khẩu thịt hoặc bò sống về giết mổ [2]. Vì vậy, Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn năm 2021-2030, tầm nhìn 2045 của Việt Nam [3] đã chỉ ra các mục tiêu rất lớn với CNBT.

Là Thủ đô, nhưng ngành nông nghiệp của Hà Nội có quy mô lớn so với các tỉnh. Riêng chăn nuôi, tổng đàn gia súc gia cầm của Hà Nội đứng đầu cả nước, nên năm 2020 tỷ trọng chăn nuôi chiếm tới 58,11% giá trị sản xuất nông nghiệp [4]. Nông nghiệp Hà Nội hướng vào cung cấp tối đa cho tiêu dùng của Thủ đô, một số sản phẩm có tỷ lệ đáp ứng khá cao nhưng thịt bò tỷ lệ đáp ứng chỉ đạt 20% [5], mặc dù Hà Nội có tiềm năng lớn trong CNBT. Phát triển CNBT là nhiệm vụ ưu tiên trong tái cơ cấu chăn nuôi nhằm cung ứng bò thịt cho các cơ sở giết mổ để giảm nhập khẩu bò hơi. Từ năm 2011, TP Hà Nội đã có chủ trương

phát triển CNBT theo vùng tập trung, xã trọng điểm [6] nhưng trên thực tế còn nhiều vướng mắc. CNBT của TP Hà Nội chủ yếu do HND thực hiện và đã phát triển mạnh, nhưng so với yêu cầu thì còn nhiều bất cập cần được nghiên cứu. Một số tác giả đã có bài viết về lĩnh vực này [5, 7] nhưng thường theo hướng nhận định chung mà chưa có các khảo sát cụ thể. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đưa ra một số khuyến nghị phát triển CNBT tại các vùng tập trung của TP Hà Nội.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Địa điểm nghiên cứu

CNBT của TP Hà Nội có ở nhiều nơi, nhưng theo quy hoạch thì vùng tập trung thuộc 19 xã [6]. Nghiên cứu đã chọn 6 xã, trong đó xã Lê Chi, Văn Đức (huyện Gia Lâm) và Quang Lãng (huyện Phú Xuyên) đại diện cho vùng bãi; 3 xã Minh Châu, Thụy An và Tông Bạt (huyện Ba Vì) đại diện cho vùng đồi núi.

2.2. Thu thập thông tin

Ngoài một số thông tin thứ cấp thì nghiên cứu này chủ yếu sử dụng thông tin sơ cấp từ điều tra qua bảng hỏi thiết kế sẵn cho xã và hộ. Có 3 tiêu chuẩn chọn hộ là: có nuôi bò thịt, có đất nông nghiệp, có sử dụng lao động của gia đình. Tại mỗi xã chọn ngẫu nhiên 35 hộ trong danh sách để điều tra, tổng số hộ được chọn là 210. Số lượng này đảm bảo yêu cầu vì số hộ nuôi bò thịt của 6 xã là gần 3.400 hộ, theo công thức chọn mẫu Slovin với độ tin cậy 10% thì chỉ cần gần 100 hộ là được, việc tăng hộ sẽ tăng độ tin cậy. Thu thập thông tin bằng cách điều tra trực tiếp tại các hộ từ tháng 8 đến tháng 12/2021.

*Tác giả liên hệ: Email: dungsir.dv@gmail.com

Promoting beef cattle raising in the concentrated farming areas of Hanoi city

Pham Hien Dinh¹, Anh Tuan Doan²,
Thi My Dung Pham^{2*}, Duc Hieu Dinh³

¹Ministry of Agriculture and Rural Development,
2 Ngoc Ha Street, Ngoc Ha Ward, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam
²Dong Do University, 60B Nguyen Huy Tuong Street,
Thanh Xuan Trung Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam
³National Economics University, 207 Giai Phong Street,
Dong Tam Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam

Received 29 August 2023; revised 25 September 2023; accepted 28 September 2023

Abstract:

The study was conducted in concentrated beef cattle farming areas of Hanoi city. The authors used the quantitative research method by taking steps such as directly investigating information through questionnaires in 6 communes and 210 beef cattle raising households in concentrated farming areas, processing information by Excel software, analysing information using descriptive statistical and comparative methods. The research results showed that although the number of beef cattle has not increased, the output, quality, and structure of the beef cattle herd have been significantly improved. However, beef cattle farming in concentrated areas of Hanoi city still has many inadequacies in scale, technical process, linkage, supply, and consumption. That leads to uncontrolled quality, no biosafety certification, and planned slaughterhouses not buying cows from Hanoi farmers. In order to promote beef cattle farming in concentrated areas of Hanoi city, the study recommends the following: increase the scale of livestock production associated with the development of high-quality beef cattle; promote biosecurity in beef farming; develop links between raising and consuming beef cattle; increase support from the city's budget for beef cattle farming.

Keywords: beef cattle raising, concentrated farming areas, Hanoi.

Classification number: 5.2

2.3. Phương pháp phân tích

Các phương pháp chủ yếu trong phân tích đánh giá gồm thống kê mô tả, so sánh và chuyên gia.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng chăn nuôi bò thịt tại các vùng tập trung của TP Hà Nội

3.1.1. Quy mô chăn nuôi

Theo các nguồn thông tin thứ cấp cho thấy, quy mô chăn nuôi trong các vùng tập trung đã không ngừng tăng lên. Điều này được

thể hiện qua các chỉ tiêu như số xã, số hộ, số bò/hộ, trại bò quy mô lớn. Điều tra các xã và hộ trong vùng tập trung cho thấy từ năm 2011-2017 số hộ chăn nuôi, số bò và số bò bình quân/hộ của các xã đạt cao nhất nhưng chủ yếu là bò vàng và bò lai sind. Từ năm 2018 đến nay, số lượng bò giảm đi vì các hộ chuyển sang nuôi các giống chất lượng cao với trọng lượng và tỷ lệ thịt xẻ tăng lên. Vì vậy, vẫn chưa đạt kế hoạch số lượng theo quy hoạch vùng tập trung. Tổng hợp số liệu từ các xã cho thấy, bình quân 1 xã có 555 hộ CNBT, số bò bình quân/hộ là 3,64 con. Các HND chăn nuôi với quy mô nhỏ lẻ, trong đó 24% số hộ nuôi từ 5 con trở lên và 76% hộ nuôi dưới 5 con. Tuy vậy, so với trước đây thì quy mô đã tăng lên rất nhiều, năm 2013 con số tương ứng là 5,98 và 94,02% (điều tra năm 2021).

3.1.2. Kỹ thuật chăn nuôi bò thịt

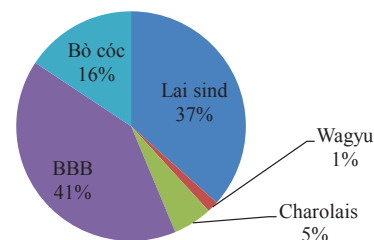
Kỹ thuật CNBT gồm nhiều khía cạnh, trong nghiên cứu này chỉ tập trung xem xét giống bò, cách thức chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh, chuồng trại và xử lý môi trường. Kết quả điều tra thực trạng áp dụng một số kỹ thuật CNBT của các xã được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng áp dụng một số kỹ thuật CNBT của các xã.

Thứ tự	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Lớn nhất	Nhỏ nhất
Giống bò				
1	- Giống cũ (bò cóc)	11,7	20,0	0
	- Giống mới	88,3	100,0	80,0
	- Riêng giống BBB	45,0	70,0	20,0
Cách chăn nuôi				
2	- Nuôi nhốt	75,8	100,0	15,0
	- Chăn thả	24,2	85,0	0
Phòng trừ dịch bệnh				
3	- Tự phòng trừ	25,0	90,0	0
	- Qua thú y	75,0	100,0	10,0
Chuồng trại				
4	- Chuồng sơ sài	7,5	30,0	0
	- Chuồng kiên cố	92,5	100,0	70,0

Nguồn: điều tra năm 2021.

Về giống bò: Trước đây nông dân TP Hà Nội đều nuôi giống cũ (bò cóc/bò vàng địa phương) nhỏ bé, tỷ lệ thịt xẻ rất thấp. Do tác động của các chương trình giống bò thì các giống bò lai (giống mới) đã dần thay thế đàn bò cóc. Có nhiều giống mới nhưng phổ biến nhất ở TP Hà Nội là CNBT lai BBB, vì đây là sản phẩm khoa học và công nghệ do chính TP Hà Nội đầu tư (hình 1).



Hình 1. Cơ cấu giống bò thịt của các hộ. Nguồn: điều tra năm 2021.

TP Hà Nội bắt đầu chương trình cải tạo giống bò thịt từ năm 2001. Giai đoạn 2001-2010 tập trung Sind hóa đàn bò bằng phối giống trực tiếp. Từ năm 2011 thực hiện chương trình thụ tinh nhân tạo bò với các giống năng suất, chất lượng cao, trong đó 50% lượng tinh được nhập ngoại. Công tác phát triển giống bò thịt của TP Hà Nội được chia theo 3 nhóm là bò thịt năng suất cao (BBB, Charolais, Angus), bò thịt chất lượng cao (Wagyu) và bò kiêm dụng (Red Sind, Brahman, Senepol...). Tại các xã đều có dẫn tinh viên chuyên nghiệp thụ tinh nhân tạo cho bò.

Về cách chăn nuôi: Trước đây, tất cả các HND trong vùng chăn nuôi tập trung đều nuôi theo cách chăn thả nhưng hiện nay nuôi nhốt là chính, riêng xã Thụy An tỷ lệ nuôi nhốt mới chiếm 15% vì xã này kinh tế hộ chưa phát triển lại có nhiều đất đồi núi làm khu chăn thả chung. Vì vậy cần chú ý kiểm soát việc lây lan dịch bệnh.

Về chuồng trại chăn nuôi: Tất cả các hộ đều có chuồng trại và tỷ lệ kiên cố khá cao, chỉ còn 7,5% chuồng tạm bợ. Tiêu chuẩn xếp loại chuồng trại kiên cố của HND chỉ là có mái che, không bị gió lùa, có nền xi măng hoặc gạch, có hệ thống thoát nước, thoát phân khi rửa chuồng mà chưa theo đúng hướng dẫn kỹ thuật đã ban hành.

Về phòng trừ dịch bệnh: Có 75% số hộ sử dụng dịch vụ thú ý, 25% tự phòng trừ dịch bệnh, đặc biệt xã Thụy An có tới 90% số hộ tự phòng trừ dịch bệnh.

Cách xử lý rác thải chăn nuôi: Có 64% số hộ sử dụng hầm bioga, 1% dùng đệm lót sinh học, 35% kết hợp nhiều cách.

3.1.3. Tổ chức chăn nuôi

CNBT liên quan tới cung ứng đầu vào, chăn nuôi và tiêu thụ. Tại TP Hà Nội CNBT chủ yếu do các HND thực hiện với tình trạng cung ứng đầu vào cho chăn nuôi.

Nguồn bê giống: Về nguyên tắc, các hộ CNBT có thể sử dụng bê giống từ 4 nguồn là bê cái của nhà đẻ ra, mua từ thị trường tự do, mua từ các công ty giống gia súc và kết hợp các cách. Điều tra các hộ cho thấy, 16% hộ dùng bê của nhà, 74% mua trên thị trường tự do, hơn 8% kết hợp hai nguồn, đặc biệt đã có gần 2% mua bê từ Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội, vì các hộ này làm mô hình từ ngân sách bắt buộc phải mua của doanh nghiệp để có chứng từ thanh toán. Số bê mua từ công ty được cân trọng lượng còn mua bán tự do chỉ theo kinh nghiệm nhìn vóc dáng bê.

Nguồn thức ăn: Về thức ăn tinh thì 61,4% số hộ mua trên thị trường tự do ở các quầy bán lẻ và ở chợ, các hộ có thể mua theo bao hoặc theo cân tùy nơi bán; 26,2% tự cung ứng thức ăn tinh bằng cách dùng lương thực, cám của nhà hoặc mua về xay, nghiền, đầu trộn; 22 hộ phối hợp cả hai cách. Có 4 hộ mua của doanh nghiệp vì số này được làm mô hình từ ngân sách nên bắt buộc phải mua như với trường hợp mua giống ở trên. Thức ăn xanh chủ yếu do các hộ tự trồng, chỉ có 3 hộ đi mua và 1 hộ kết hợp cả trồng và mua.

Tình trạng quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn cây thức ăn cũng trong tình trạng chung của ngành trồng trọt. Vì các hộ trồng cho bò của gia đình nên họ có ý thức tốt hơn trong sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu. Các hộ CNBT đều căn cứ trên diện tích đất

của gia đình để xác định số bò có thể nuôi nên đảm bảo được thức ăn xanh. Họ thường trồng các giống cỏ có năng suất chất lượng cao như cỏ voi, cỏ sả lá lớn, cỏ ngô.

Tổ chức chăn nuôi: Một số ít các hộ có thuê lao động thời vụ, chủ yếu do lao động gia đình đảm nhiệm với các việc chính là cắt và thái cỏ, trộn thức ăn, cho ăn và dọn chuồng. Liên kết, hợp tác trong chăn nuôi nói chung và đặc biệt là CNBT không được quan tâm. TP Hà Nội hiện có 1097 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp đang hoạt động, trong đó có 50 HTX chăn nuôi [8] nhưng không có HTX nào liên quan CNBT nên không thể liên kết được với doanh nghiệp. Thậm chí với hình thức thấp hơn là tổ hợp tác, CNBT cũng không có, trong khi nhiều địa phương khác đã có.

Quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm: Điều này chưa hề được đặt ra nên bò thịt là một trong số ít các sản phẩm nông nghiệp của TP Hà Nội chưa nhận được bất cứ loại chứng nhận nào, trong khi các lĩnh vực khác đã có các chứng nhận an toàn, VietGAP, hữu cơ. Điều này kéo vị thế bò thịt của TP Hà Nội xuống rất nhiều.

3.1.4. Thực trạng tiêu thụ bò thịt tại các vùng chăn nuôi tập trung

Mục đích CNBT là để cung cấp cho các cơ sở giết mổ đại gia súc trên địa bàn. Hiện tại Hà Nội có 3 loại cơ sở giết mổ đại gia súc là: cơ sở giết mổ thủ công phân tán với số lượng rất lớn và không quản lý được; cơ sở giết mổ bán công nghiệp và công nghiệp được quy hoạch trong một số khu vực nhất định với số lượng không nhiều, được thành phố quản lý, đầu tư, hỗ trợ. Tuy vậy cho đến nay, các cơ sở giết mổ công nghiệp và bán công nghiệp đều nhập bò thịt từ nước ngoài về giết mổ còn bò thịt do nông dân TP Hà Nội chăn nuôi thì chỉ đưa vào các cơ sở giết mổ thủ công phân tán. TP Hà Nội quy định các vùng CNBT tập trung nhằm hưởng các chính sách hỗ trợ chăn nuôi vào đây để các hộ bán bò cho các cơ sở giết mổ bán công nghiệp và công nghiệp nhưng đến nay vẫn thất bại. Điều tra chi tiết việc tiêu thụ bò thịt của các hộ cho thấy rõ điều đó.

TP Hà Nội chủ trương phát triển các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Với các loại chăn nuôi khác như lợn, gà, bò sữa đều hình thành các chuỗi. Riêng về bò thịt đến nay vẫn chưa có sự liên kết nào.

Bảng 2. Tiêu thụ bò thịt của các HND trong vùng chăn nuôi tập trung.

Thứ tự	Nơi tiêu thụ	6 xã điều tra		3 xã vùng bãi		3 xã vùng đồi núi	
		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Tự mổ bán	2	0,95	1	0,95	1	0,95
2	Bán cho thương lái	203	96,67	100	95,24	103	98,1
3	Bán cho cơ sở giết mổ thủ công	5	2,38	4	3,81	1	0,95
4	Bán cho doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Tổng		210	100,00	105	100,00	105	100,00

Nguồn: điều tra năm 2021.

Theo mẫu điều tra có 2 hộ tự mổ để bán thịt, 5 hộ bán trực tiếp cho cơ sở giết mổ thủ công (trong đó 4 hộ ở vùng bãi vì ở đây có nhiều cơ sở giết mổ nhỏ lẻ). Số bán cho thương lái chiếm tới 96,67% (bảng 2). Các thương lái mua bò thịt từ hộ và bán lại cho các cơ sở giết mổ thủ công trên địa bàn. Đa số thương lái thu gom bò từ các hộ rồi chở thẳng đến lò mổ, trường hợp lò mổ không mua hết thì thương lái sẽ giữ lại nuôi tiếp để bán. Tại các địa phương thường có một số lò mổ nhỏ, thủ công giết mổ và cung cấp thịt cho thị trường TP Hà Nội và các tỉnh. Việc mua bán bò thịt rất đơn giản, không cần cân đo mà chỉ định giá theo ngoại hình bò. Giá bán bò thịt giữa các giống bò ít chênh lệch vì người bán thịt bò thường lấy thịt từ lò mổ tự do và đưa thịt ra bán tại chợ dân sinh, chợ cóc, chợ tạm. Người mua không phân biệt được các loại thịt bò thuộc giống nào mà chỉ gọi chung là “thịt bò ta và thịt bò lai”, ai thích loại nào thì mua loại đó. Theo ý kiến các hộ chăn nuôi thì tiêu thụ bò thịt rất dễ vì thương lái thường ở trong địa phương, họ cũng nuôi bò và kết hợp thu gom bò nên mua tất cả các loại, nếu chưa đưa được cho lò mổ thì họ giữ lại nuôi. Nhìn chung quan hệ giữa bên bán và bên mua bò thịt khá thân thiết và hiểu nhau.

Thời gian bán bò cũng rất khác nhau. Có 35% các hộ nuôi bò đến 12 tháng tuổi thì bán, 60% nuôi 12-18 tháng, số nuôi trên 18 tháng tuổi chỉ chiếm 5%, trong khi theo quy trình kỹ thuật, thời gian bán bò thích hợp nhất là 21-24 tháng tuổi. Tính trung bình các hộ nuôi tới 16 tháng tuổi, lâu nhất là 36 tháng và thấp nhất là 5 tháng. Số hộ nuôi 5-6 tháng đã bán thường rơi vào các hộ gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp hoặc không có tiền nuôi tiếp. Trọng lượng bò khi bán trung bình 310 kg, lớn nhất 1.000 kg và nhỏ nhất chỉ 70 kg.

3.1.5. Kết quả và hiệu quả chăn nuôi bò thịt

Các HND là đơn vị hạch toán không đầy đủ nên tính toán kết quả và hiệu quả chăn nuôi trong nghiên cứu này sử dụng một số chỉ tiêu mà các HND quan tâm. Đó là: tiền bán 1 con bò (doanh thu); chi phí biến đổi: tiền mua bê giống và các chi phí thường xuyên; Lãi thô = Doanh thu - Chi phí biến đổi. Các hộ quan tâm nhất là số lãi thô/con.

Bảng 3. Kết quả và chi phí chăn nuôi bò thịt (tính trên 1 con bò thịt).

Thứ tự	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn bộ	Vùng bãi	Vùng đồi núi
1	Doanh thu tính trên 1 con bò	Trđ	35,84	33,47	36,60
2	Chi phí biến đổi tính trên 1 con bò	-	22,72	22,09	22,20
Trong đó:					
	- Tiền mua bê giống	-	17,47	17,55	16,61
	Tỷ lệ so với chi phí biến đổi	%	76,9	79,4	74,8
	- Chi phí thường xuyên	Trđ	5,25	4,54	5,59
	Tỷ lệ so với chi phí biến đổi	%	23,1	20,6	25,2
3	Lãi thô bình quân trên 1 con bò	Trđ	13,12	11,38	14,4

Nguồn: điều tra năm 2021.

Kết quả bảng 3 cho thấy, giá bán bò bình quân là 35,84 triệu đồng/con nhưng giá ở vùng đồi núi cao hơn, vì ở đây thường nuôi thời gian dài hơn, trọng lượng lớn hơn. Tiền bán bò giữa các hộ cũng có sự chênh lệch lớn vì cùng giống bò nhưng do điều kiện từng hộ nên năng suất không đồng đều. Về chi phí, hộ quan tâm nhất là tiền mua bê giống vì khoản này lớn và phải chi ra ngay một lần vào đầu chu kỳ chăn nuôi. Trung bình mỗi con bê hơn 17 triệu đồng nhưng lại có sự chênh lệch lớn giữa các giống bê, bê giống bò cóc chỉ 4-6 triệu đồng, trong khi các giống Charolais, Wagyu, BBB ít nhất cũng từ 15 triệu đồng. Chi phí giống chiếm tới 76,9% chi phí biến đổi, đây là áp lực rất lớn với HND. Chi phí thường xuyên chủ yếu nhất là mua thức ăn tinh và chi cho trồng thức ăn xanh. Số này không lớn và chi rải rác trong thời gian dài nên HND không lo lắng lắm. Lao động gia đình chủ yếu là cắt cỏ, cho ăn, dọn chuồng. Mỗi con bò cho lãi thô hơn 13 triệu đồng là khá hấp dẫn nên các HND đều tập trung nuôi càng nhiều bò càng tốt, mỗi lao động có thể chuyên môn hóa nuôi tới 6 con. Tỷ lệ lãi ở vùng đồi núi cao hơn vùng bãi, vì vùng núi có nhiều đất hơn nên các hộ giảm được tiền mua thức ăn tinh. Nhìn chung nuôi bò là có lãi nhưng trong đó cũng có những HND bị lỗ. Trong mẫu điều tra có 11 HND bị lỗ (chiếm khoảng 5%), hộ lỗ lớn nhất tới 7 triệu đồng/con. Đây là những hộ gặp rủi ro do bệnh tật hoặc phải bán khi bò đang ở giai đoạn chưa hiệu quả do hoàn cảnh khó khăn của gia đình. Tuy vậy, các hộ dù bị lỗ thì vẫn quyết tâm nuôi lại để bù đắp.

HND là đơn vị kinh doanh không đầy đủ vì họ không ghi chép sổ sách chi ly như doanh nghiệp, họ cũng không tính hết mọi chi phí phát sinh từ nguồn lực gia đình. Bình quân mỗi hộ nuôi được 4, 5 con bò, quy đổi lao động thì giải quyết việc làm thường xuyên cho 1 lao động. Hiệu quả CNBT thể hiện qua một số chỉ tiêu như: tỷ lệ lãi cao thể hiện qua lãi thô tới 36%. Trong đó, vùng đồi núi có lãi hơn do tự túc được nhiều thức ăn tinh, trồng cỏ chi phí ít hơn; lãi thô/hộ từ chăn nuôi bò là 36 triệu đồng và thu nhập hàng tháng của lao động là 4 triệu đồng. Các chỉ tiêu này khá hấp dẫn với HND. Các hộ cho biết với nguồn lực gia đình và có tiền mua bê thì bình quân mỗi hộ có thể nuôi tới 8 con bò thịt.

3.1.6. Một số tồn tại và nguyên nhân ảnh hưởng tới chăn nuôi bò thịt

CNBT trong các vùng tập trung của Hà Nội đã phát triển hơn so với giai đoạn trước nhưng vẫn còn nhiều tồn tại như: số lượng bò thịt trong các vùng chăn nuôi tập trung vẫn chưa đạt được như quy hoạch của TP Hà Nội; quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được chú ý nên các hộ chăn nuôi bò vẫn chưa được cấp các chứng nhận an toàn sinh học, VietGAP; tổ chức chăn nuôi chủ yếu chỉ giao dịch trên thị trường; chính sách hỗ trợ của TP Hà Nội còn ít so với các loại chăn nuôi khác.

Nguyên nhân của các tồn tại gồm: quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ và không đồng đều; kỹ thuật chăn nuôi như chuồng trại, dịch vụ thú y, xử lý rác thải còn yếu; tổ chức chăn nuôi chủ yếu là do HND, thiếu liên kết; TP Hà Nội ít chú ý tới CNBT so với các sản phẩm khác.

3.2. Một số khuyến nghị thúc đẩy phát triển chăn nuôi bò thịt tại các vùng tập trung của TP Hà Nội

3.2.1. Tăng số lượng bò theo kế hoạch xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung

Theo kế hoạch thì các vùng chăn nuôi bò tập trung trước hết phải đảm bảo quy mô chăn nuôi nhất định nhằm tạo vùng nguyên liệu bò thịt gắn với hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, logistics đồng bộ, chuyên môn hóa, tập trung hóa theo vùng. Muốn vậy thì trước hết vùng tập trung phải đảm bảo số lượng bò thịt theo kế hoạch, với 6 xã điều tra ít nhất phải đạt 14.010 con [6], nhưng hiện tại chỉ mới đạt 8.965 con (64%). Vì vậy, việc đầu tiên đặt ra là phải tăng số lượng bò của các vùng. Một số khuyến nghị cho việc tăng số lượng bò thịt trong các vùng tập trung là:

Tăng số hộ CNBT trong các vùng, vì hiện nay tỷ lệ số hộ CNBT mới chiếm 27,8% số HND trong vùng. Việc tăng số hộ CNBT trước hết hướng vào các hộ có nhiều đất đai, nhiều lao động nhưng gặp khó khăn về nguồn vốn. Các hộ này có thể quy mô nuôi ban đầu nhỏ sau đó mới tăng dần. Hỗ trợ các hộ chủ yếu nhất là tiền mua bê giống, sửa chuồng trại và kỹ thuật CNBT.

Các hộ đã CNBT nhưng đang thuộc hộ chăn nuôi tổng hợp thì cần thay đổi cơ cấu để giảm dần chủng loại gia súc. Theo điều tra thì trong nhóm này có tới 71,9 số hộ nuôi đồng thời nhiều loại cả bò thịt, bò sữa, bò sinh sản... Các hộ này nên giảm bớt các loại khác để ưu tiên nguồn lực làm tăng bò thịt. Vấn đề của các hộ này là tính toán cân đối để có tiền mua thêm bê giống, mở rộng chuồng trại cho CNBT.

Các hộ đã chuyên môn hóa CNBT thì huy động tối đa nguồn lực để tăng dần số lượng và trọng lượng bò thịt. Trong mẫu điều tra chỉ có 28,1% số hộ chuyên môn hóa chỉ nuôi bò thịt. Các chương trình dự án nên ưu tiên hỗ trợ vốn mua bê giống, mở rộng chuồng trại nhất là chuồng xa khu dân cư. Các khoản khác hộ có thể tự lực được.

Cơ cấu đàn bò thịt có thể với nhiều giống khác nhau, thậm chí cả giống cũ và giống mới nhằm đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng nhưng phải chuyên đổi mạnh mẽ cơ cấu đàn, lấy trọng tâm là bò thịt chất lượng cao để cung cấp bò hơi cho cả lò mổ thủ công, bán công nghiệp và công nghiệp.

Để tăng số lượng bò thịt thì cần có vốn để mua bê và thức ăn tinh (như khuyến nghị ở trên) và thức ăn xanh cho bò. Muốn vậy, vùng chăn nuôi bò tập trung cần nâng cao năng suất, sản lượng cỏ và khai thác rơm rạ từ vùng trồng lúa. TP Hà Nội có vùng lúa hơn 160 nghìn ha, mỗi ha có thể cung cấp rơm rạ cho 1 con bò nhưng vẫn phải đốt vừa lãng phí, vừa ô nhiễm. Điều này riêng ngành chăn nuôi không giải quyết được mà phải do thành phố.

3.2.2. Thúc đẩy chăn nuôi bò thịt an toàn sinh học có chứng nhận chất lượng sản phẩm

An toàn sinh học trong chăn nuôi được hiểu là các biện pháp, trong đó bao gồm cả phần kỹ thuật và cách quản lý đàn vật nuôi nhằm phòng ngừa và hạn chế sự lây lan của các yếu tố sinh học có nguồn gốc từ tự nhiên hoặc do con người gây ra. Tại TP Hà

Nội, an toàn sinh học trong chăn nuôi đã được áp dụng với nhiều loại gia súc, gia cầm nhưng với CNBT nói chung và nói riêng trong vùng tập trung chưa được triển khai, vì vậy bò thịt chưa có giấy chứng nhận an toàn, từ đó ảnh hưởng tới quản lý chất lượng và sức cạnh tranh của bò thịt. Để có bò thịt đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học thì trước hết cần tiến hành một số việc sau:

Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các hộ nuôi bò thực hành các yêu cầu trong quy trình kỹ thuật và quản lý như chuồng trại, giống, thức ăn, nước uống, chăm sóc chăn nuôi, vệ sinh và kiểm soát người ra vào chuồng, kiểm soát phương tiện vận chuyển, trang thiết bị chăn nuôi, quản lý chất thải và bảo vệ môi trường, quản lý dịch bệnh, ghi chép và kiểm soát nội bộ.

Kiểm tra giám sát các cơ sở cung cấp thức ăn và vật tư chăn nuôi cho gia súc để phát hiện thức ăn giả, kém phẩm chất, lẫn cám lợn vào cám bò. Yêu cầu các cơ sở này phải chứng minh được nguồn gốc nhập thức ăn, vật tư...

Từng vùng, từng xã định kỳ kiểm tra điều kiện chăn nuôi an toàn theo quy định nhất là nguồn nước, không khí, đất trồng thức ăn xanh. Đảm bảo quy trình lấy mẫu đất, mẫu nước và chọn nơi phân tích đúng quy định.

Đăng ký với cơ quan quản lý chất lượng nông lâm thủy sản để có chứng nhận bò thịt an toàn sinh học, sau đó là các chứng nhận cao hơn như VietGap, hữu cơ.

Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu bò thịt Hà Nội và tiến đến mức cao hơn là đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

Xây dựng các khu vực, các vùng, các xã chuyên môn hóa CNBT an toàn với các tiêu chuẩn nghiêm ngặt để giảm tối đa việc nhập khẩu bò thịt của các cơ sở giết mổ công nghiệp và bán công nghiệp.

3.2.3. Phát triển hợp tác, liên kết trong chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt

Để giải quyết tình trạng chăn nuôi riêng rẽ, tùy tiện và phụ thuộc vào thương lái từ cả cung ứng đầu vào và tiêu thụ bò thịt thì cần đổi mới tổ chức quản lý CNBT với các hình thức hợp tác liên kết từ chăn nuôi đến tiêu thụ. Việc này gắn với một số điểm như:

Thành lập các tổ hợp tác CNBT trong từng xã hoạt động theo luật dân sự nhằm hợp tác mua đầu vào như bê giống, thức ăn, vật tư chăn nuôi có xuất xứ đảm bảo chăn nuôi an toàn và giảm chi phí đầu vào cũng như hợp tác tiêu thụ bò thịt cho các cơ sở giết mổ đại gia súc công nghiệp và bán công nghiệp với thị trường ổn định.

Thành lập các HTX dịch vụ CNBT hoạt động theo Luật HTX trong phạm vi huyện hoặc các địa phương. Các HTX chuyên môn hóa cung cấp dịch vụ đầu vào, kỹ thuật chăn nuôi, môi giới, quảng bá, thị trường tiêu thụ, hỗ trợ quản lý chất lượng bò thịt cho HND và tổ hợp tác.

Tổ chức vùng nguyên liệu bò thịt cho các cơ sở giết mổ đại gia súc với những thỏa thuận, hợp đồng giữa HND, HTX, tổ hợp

tác và doanh nghiệp giết mổ, trong đó doanh nghiệp giết mổ là đơn vị chủ trì hướng dẫn, kiểm soát chất lượng bò thịt của vùng nguyên liệu và chịu trách nhiệm về chất lượng thịt bò đưa ra thị trường.

Thúc đẩy xây dựng và phê duyệt các dự án liên kết chăn nuôi - tiêu thụ bò thịt chất lượng cao theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 5/8/2018 của Chính phủ. Nghị định được ban hành từ năm 2018 quy định chính sách hỗ trợ các tác nhân trong chuỗi liên kết nhưng địa phương nào bố trí được ngân sách hỗ trợ thì sẽ triển khai dự án. TP Hà Nội đã sớm có dòng tiền ngân sách từ năm 2020 nhưng đến nay vẫn không triển khai được, vì vướng các hướng dẫn cụ thể nên chưa có một dự án nào được duyệt, bò thịt từ HND không đến được các cơ sở giết mổ công nghiệp, bán công nghiệp trong khi các cơ sở này lại phải nhập khẩu bò thịt từ nước ngoài về nên lãng phí ngoại tệ, đặc biệt trong giai đoạn COVID-19 không nhập khẩu được thì còn lãng phí cả công suất thiết bị, thậm chí phải đóng cửa nhà máy.

3.2.4. Tăng cường hỗ trợ từ ngân sách cho chăn nuôi bò thịt an toàn

Các hộ CNBT đã được một số hỗ trợ từ TP Hà Nội như tham gia mô hình, vay vốn ưu đãi, hỗ trợ tinh bột để tạo bê, tập huấn, tham quan. Những hỗ trợ này đã có tác động tới phát triển bò thịt nhưng chưa đủ vì quy mô chăn nuôi vẫn nhỏ lẻ. Nếu muốn tăng quy mô, tăng chất lượng bò thịt thì cần có những hỗ trợ rộng hơn, lớn hơn. Theo khảo sát, nếu vẫn giữ quy mô như hiện nay thì các hộ chưa gặp khó hoặc gặp khó khăn nhưng có thể giải quyết từng phần. Nếu nuôi từ 5 con bò trở lên thì đa số các hộ đều gặp khó khăn và không thể tự giải quyết được nhất là vốn, chuồng trại, thức ăn tinh, xử lý môi trường, tiêu thụ.

Các hỗ trợ của TP Hà Nội nên tập trung giải quyết một số vấn đề như: i) Hỗ trợ các hộ chăn nuôi theo hướng cho vay vốn ưu đãi mua giống, đầu tư chuồng trại và xử lý môi trường; ii) Kết hợp hỗ trợ tín dụng cho chăn nuôi theo vùng nguyên liệu với bảo hiểm chăn nuôi theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp của Chính phủ; iii) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật CNBT chất lượng cao, quản lý chất lượng, xây dựng và bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu bò thịt; iv) Hỗ trợ sản xuất thức ăn thô theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP, hữu cơ đáp ứng yêu cầu chất lượng của chứng nhận bò thịt; v) Hỗ trợ các HTX chăn nuôi và dịch vụ CNBT theo Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025; vi) Hỗ trợ HTX có nguồn vốn để liên kết với các HTX vùng lúa tập trung cùng nhau làm dịch vụ giải quyết thức ăn thô cho chăn nuôi bò; vii) Hỗ trợ các cơ sở giết mổ nói chung và nói riêng với đại gia súc trong đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp theo chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; viii) Hỗ trợ việc xử lý rơm rạ trong vùng trồng lúa tập trung để tránh việc đốt rơm rạ sau thu hoạch. Muốn vậy cần khuyến khích và hỗ trợ các đơn vị thu gom, chế biến, vận chuyển rơm rạ tới vùng chăn nuôi bò tập trung.

4. Kết luận

CNBT là lĩnh vực đang được TP Hà Nội quan tâm, nhất là chăn nuôi trong các vùng tập trung. Đến nay cơ cấu, sản lượng, chất lượng đàn bò đã thay đổi rất lớn nhưng so với yêu cầu thì vẫn còn nhiều bất cập như quy mô chăn nuôi còn nhỏ, các quy trình kỹ thuật chưa thực hiện đồng bộ, tổ chức chăn nuôi chưa có tính liên kết, các hoạt động cung ứng và tiêu thụ đều dựa vào thị trường tự do nên không kiểm soát được chất lượng, bò thịt chưa có chứng nhận an toàn sinh học, thu nhập của nông dân chênh lệch lớn, một số còn bị thua lỗ.

Để tiếp tục thúc đẩy phát triển CNBT trong các vùng tập trung thì nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị như: tăng quy mô chăn nuôi gắn với chuyển đổi cơ cấu đàn sang trọng tâm bò thịt chất lượng cao; thúc đẩy CNBT an toàn sinh học có chứng nhận chất lượng sản phẩm; phát triển hợp tác, liên kết trong chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt; hỗ trợ từ ngân sách để tăng quy mô và chất lượng CNBT an toàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] S.B. Smith, T. Gotoh, P.L. Greenwood (2018), "Current situation and future prospects for global beef production: Overview of special issue", *Asian-Australasian Journal of Animal Sciences*, **31(7)**, pp.927-932, DOI: 10.5713/ajas.18.0405.
- [2] T. Hai (2021), "Towards increasing domestic beef production", *Sai Gon Online Newspaper*, <https://www.sggp.org.vn/huong-toi-tang-san-luong-thit-bo-trong-nuoc-post581883.html>, accessed 24 April 2022 (in Vietnamese).
- [3] Prime Minister (2020), *Decision No. 1520/QĐ-TTg Dated 6 October 2020 on Approving The Livestock Development Strategy for The Period 2021-2030, Vision to 2045* (in Vietnamese).
- [4] Hanoi Department of Agriculture and Rural Development (2021), *Plan for Rural Agricultural Development in 2022, Plan No. 65/KH-SNN Dated 3 August 2021* (in Vietnamese).
- [5] N.N. Son (2022a), "Existent situation and solutions for developing dairy and beef cattle in the coming time in Hanoi", *Hanoi Department of Agriculture and Rural Development*, <https://sonnptnt.hanoi.gov.vn/cat173/12935/Thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-chan-nuoi-bo-sua-bo-thit-thoi-gian-toi-tai-Ha-Noi>, accessed 24 March 2023 (in Vietnamese).
- [6] Hanoi People's Committee (2011), *Decision No. 2801/QĐ-UBND Dated 17 June 2011 Approved The Livestock Development Program in Key Regions, Communes, and Large-scale Livestock Farming Outside Residential Areas in The Period 2011-2015* (in Vietnamese).
- [7] N.N. Son (2022b), "Highlights on livestock development by key regions, communes, and large-scale livestock farming in Hanoi", *Hanoi Department of Agriculture and Rural Development*, <https://sonnptnt.hanoi.gov.vn/cat173/736/diem-nhan-ve-phat-trien-chan-nuoi--theo-vung-xa-trong-diem-chan-nuoi-quy-mo-lon-tai-ha-noi>, accessed 24 March 2023 (in Vietnamese).
- [8] N. Mai (2020), "Hanoi: Nearly 62% of cooperatives achieved good and fair grades", *Hanoimoi Newspaper*, <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Nong-nghiep/984501/ha-noi-gan-62-hop-tac-xa-dat-loai-tot-va-kha>, accessed 24 April 2022 (in Vietnamese).